

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 243 /2023/DS-PT

Ngày 24 - 4 - 2023

V/v tranh chấp "Chia di sản thừa kế  
theo pháp luật và hủy giấy chứng  
nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Trung.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Thanh Bình.

Ông Võ Ngọc Giàu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLPT-DS ngày 08/02/2023 về việc tranh chấp "Chia di sản thừa kế theo pháp luật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 232/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2023/QĐ-PT ngày 01/3/2023, giữa các đương sự:

**- Ng đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ng đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng:* Luật sư Hà Văn Vĩnh – Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: ấp AT, xã ĐHH, huyện CB, Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Th:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1957 (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2017) (có mặt).

Nơi cư trú: tổ 10, khu phố 8, phường 5, Tp.MT, tỉnh Tiền Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cù Đoàn Thị Ch, sinh năm 1939.

2. Bà Võ Thị Kim Q, sinh năm: 1980.

Cùng cư trú tại: ấp AT, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho cụ Đoàn Thị Ch và bà Võ Thị Kim Q:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2017) (có mặt).

Nơi cư trú: tổ 10, khu phố 8, phường 5, Tp.MT, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: ấp AT, xã ĐHH, huyện CB, Tiền Giang.

*Người đại diện theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N:* Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp AT, xã ĐHH, huyện CB, Tiền Giang.

4. Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: ấp Mỹ Trinh, xã Thiện Trung, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Cẩm L:* Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang..

5. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1973 .

Nơi cư trú: ấp HV, xã HT, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà X:* Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị X:* Luật sư Hà Văn Vĩnh – Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

7. Anh Nguyễn Văn LE, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: ấp HH, xã HT, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh LE:* Anh Trần Hồ N1, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: số 112A, NH, phường 2, Tp.VL, tỉnh Vĩnh Long.

8. Ủy ban nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn U. Chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng S - Phó Trưởng Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện CB. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Ph. chức vụ : Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Thanh V – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CB (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng, Bị đơn ông Nguyễn Văn Th; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng; đồng thời là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L và bà Nguyễn Thị X trình bày:

Cha bà là cụ Nguyễn Văn Đang, sinh năm 1938, chết vào ngày 15/6/2014 và mẹ là cụ Đoàn Thị Ch, sinh năm 1939, có tất cả 06 người con gồm:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1963.

2/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966.

3/ Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1968.

4/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1971

5/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1973.

6/ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1975.

Ngoài 06 người con trên thì cụ Đang và cụ Ch không có con nuôi và con riêng.

Lúc sinh thời cụ Đang và cụ Ch có tạo lập khối tài sản gồm các phần đất như sau:

- Thửa 110, diện tích 2.245m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng lúa.

- Thửa 153, diện tích 837m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

- Thửa 155, diện tích 2.698m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước.

- Thửa 159, diện tích 1.025m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

- Thửa 161, diện tích 1.268m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

- Thửa 3095, diện tích 1.598,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại ấp AT, xã ĐHH, huyện CB do cụ Nguyễn Văn Đang đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007.

Đến ngày 15/6/2014 thì cụ Nguyễn Văn Đang chết không để lại di chúc, đến năm 2015 thì ông Nguyễn Văn Th tự làm văn bản phân chia thừa kế quyền sử dụng đất và làm thủ tục sang tên toàn bộ các thửa đất trên cho ông Th gồm các thửa đất như sau:

- Thửa 92, tờ bản đồ số 4 có diện tích là 8.433,2m<sup>2</sup> (là do nhập từ các thửa 110, diện tích 2.245m<sup>2</sup>, thửa 153, diện tích 837m<sup>2</sup>, thửa 155, diện tích 2.698m<sup>2</sup>, thửa 159, diện tích 1.025m<sup>2</sup>, thửa 161, diện tích 1.268m<sup>2</sup>).

- Thửa 317, tờ bản đồ số 05, có diện tích là 1.581,7m<sup>2</sup>, được đổi từ thửa 3095, diện tích 1.598,8m<sup>2</sup>. Việc ông Th lập thủ tục phân chia thừa kế quyền sử dụng đất thì nguyên đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không biết nhưng trong biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất thì bà X không có tham dự nhưng lại có chữ ký của bà X.

Sau khi ông Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Th đem chuyển nhượng khoảng 1.000 m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Văn LE.

Sau khi cụ Đàng chết những người thừa kế của cụ Đàng yêu cầu chia phần di sản của cụ Đàng để lại là  $\frac{1}{2}$  diện tích của các thửa đất số 92, tờ bản đồ số 4 có diện tích là 8.433,2m<sup>2</sup> và thửa 317, tờ bản đồ số 05, có diện tích là 1.581,7m<sup>2</sup>, nhưng phía ông Th không đồng ý nên dẫn đến tranh chấp.

Nay bà Ng khởi kiện yêu cầu giải quyết:

- Xác định các thửa đất số 92, tờ bản đồ số 4 có diện tích là 8.433,2m<sup>2</sup> và thửa 317, tờ bản đồ số 05, có diện tích là 1.581,7m<sup>2</sup> là tài sản chung của cụ Đàng và cụ Ch và  $\frac{1}{2}$  phần di sản của cụ Đàng để lại chưa chia.

- Yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  phần di sản của cụ Đàng để lại theo quy định của pháp luật làm 07 phần với diện tích mỗi kỳ phần là 500m<sup>2</sup> và xin nhận bằng đất phần giáp với ông Nhị ở thửa 92 theo sơ đồ là T8, bà Cẩm L ở T6 và bà X ở T5.

- Yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/01/2015 do Ủy ban nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Th ở thửa 92, tờ bản đồ số 04, diện tích là 8.433,2m<sup>2</sup> và thửa 317, tờ bản đồ số 04, diện tích là 1.581,7m<sup>2</sup>.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/3/2018 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn LE ở thửa 430, tờ bản đồ số 04, diện tích 906,4m<sup>2</sup> (nằm trong thửa cũ là thửa 92) và buộc ông LE phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

- Yêu cầu ông Th phải hoàn trả chi phí giám định, đối với chi phí đo đạc và định giá thì chia đều cho những người được hưởng di sản thừa kế .

\* Ông Nguyễn Văn D - đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ông Th xác định thửa đất số 92 và 317 là tài sản của cụ Đàng và cụ Ch tạo lập. Năm 2013 cụ Đàng có lập văn bản ủy quyền giao toàn bộ các thửa đất trên cho cụ Ch và cụ Ch được toàn quyền quản lý, canh tác, sử dụng và định đoạt toàn bộ các thửa đất trên. Ngày 15/6/2014 cụ Đàng chết nên cụ Ch làm thủ tục tách bộ cho ông Th và ông Th được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp đổi lại thành hai thửa gồm: thửa 92 có diện tích là 8.433,2m<sup>2</sup> và thửa 317 có diện tích là 1.581,7m<sup>2</sup>.

Nay ông Th không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Ng là chia  $\frac{1}{2}$  di sản của cụ Đàng để lại vì cụ Ch tặng cho ông Th hết nên hiện nay không còn.

\* Ông Nguyễn Văn D - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Đoàn Thị Ch trình bày:

Cụ Đoàn Thị Ch và cụ Nguyễn Văn Đàng là vợ chồng, lúc sinh thời cụ Đàng và cụ Ch có tạo lập được khối tài sản như đã nêu trên. Năm 2013 cụ Đàng có lập văn bản ủy quyền giao toàn bộ các thửa đất trên cho cụ Ch và cụ Ch được toàn quyền quản lý, canh tác, sử dụng và định đoạt toàn bộ các thửa đất trên. Ngày 15/6/2014 cụ Đàng chết nên cụ Ch làm thủ tục tách bộ cho ông Nguyễn Văn Th và ông Th được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp đổi lại thành hai thửa gồm: thửa 92 có diện tích 8.433,2m<sup>2</sup> và thửa 317 có diện tích 1.581,7m<sup>2</sup>.

Nay cụ Ch không đồng ý theo yêu cầu của bà Ng là chia  $\frac{1}{2}$  di sản của cụ Đang để lại vì đã tặng cho ông Th hết, nên hiện nay không còn.

\* Ông Nguyễn Văn D - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị Kim Q trình bày:

Bà Võ Thị Kim Q có ý kiến thống nhất với ý kiến của cụ Ch và bà cũng không đồng ý theo yêu cầu của bà Ng là chia  $\frac{1}{2}$  di sản của cụ Đang để lại vì đã tặng cho ông Th hết nên hiện nay không còn.

\* Anh Nguyễn Duy K - đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim Ng không có trình bày bổ sung gì thêm và yêu cầu chia di sản của cụ Đang để lại theo quy định của pháp luật và xin nhận phần đất với diện tích là 500 m<sup>2</sup> và xin nhận phần đất giáp với bà Ng theo sơ đồ là T7.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn LE trình bày:

Ngày 24/01/2018 anh có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn Th và bà Võ Thị Kim Q diện tích 906,4m<sup>2</sup> với giá ghi trong hợp đồng là 500.000.000 đồng, nhưng giá chuyển nhượng thực tế là 1.314.280.000 đồng, thuộc 01 phần thửa 92, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp AT, xã ĐHH, huyện CB và anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/3/2018 là thửa số 430. Anh chuyển nhượng ngay tình vì lúc chuyển nhượng ông Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời điểm chuyển nhượng anh không biết việc tranh chấp giữa bà Ng và ông Th. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Ng yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện CB có ý kiến như sau:

Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 04 và thửa đất số 317, tờ bản đồ số 05 trước đây do hộ ông Nguyễn Văn Đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014 ông Nguyễn Văn Th và gia đình thực hiện thủ tục thừa kế các thửa đất trên. Đồng thời tặng cho toàn bộ quyền hưởng di sản thừa kế cho ông Nguyễn Văn Th. Như vậy việc Ủy ban nhân dân huyện CB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hai thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn Th là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang có ý kiến như sau:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn LE được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thực hiện đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Do đó đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn LE Sở Tài Nguyên và Môi trường không có cơ sở xem xét.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng Khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 468, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Cẩm L và bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu phân chia di sản của cụ Đang để lại theo pháp luật.

2. Xác định các thửa đất số 92, tờ bản đồ số 4 có diện tích là 8.433,2m<sup>2</sup> qua đo đạc thực tế có diện tích là 8.346,7m<sup>2</sup> và thửa đất số 317, tờ bản đồ số 05, có diện tích là 1.581,7m<sup>2</sup>, qua đo đạc thực tế có diện tích là 1.524m<sup>2</sup>, tổng cộng là 9.870,7m<sup>2</sup> và hiện nay do ông Nguyễn Văn Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Đang và cụ Đoàn Thị Ch, nên mỗi người được chia với diện tích là 4.935,35m<sup>2</sup> (Phần di sản của cụ Đang là 4.935,35m<sup>2</sup>).

3. Chia cho bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Cẩm L và bà Nguyễn Thị X mỗi người 01 kỷ phần với diện tích đất là 500m<sup>2</sup> bằng giá trị với số tiền là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

4. Giao toàn bộ kỷ phần của bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Cẩm L, bà Nguyễn Thị X, cụ Đoàn Thị Ch và bà Nguyễn Thị L1 được hưởng cho ông Nguyễn Văn Th và ½ tài sản chung của cụ Đoàn Thị Ch cho ông Nguyễn Văn Th gồm các phần đất có vị trí như sau:

- Đối với thửa đất số 317, tờ bản đồ số 05, có diện tích là 1.581,7m<sup>2</sup>, qua đo đạc thực tế có diện tích là 1.524m<sup>2</sup>:

- + Phía Đông giáp với đất của ông Nguyễn Duy Khang và ông Nguyễn Văn Định;
- + Phía Tây giáp với phần đất ông Nguyễn Văn Tình;
- + Phía Nam giáp với đường bê tông;
- + Phía Bắc giáp với phần đất bà Nguyễn Thị Khuyên.

(có sơ đồ kèm theo)

- Đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 4 có diện tích là 8.433,2m<sup>2</sup> qua đo đạc thực tế có diện tích là 8.346,7m<sup>2</sup>, sau khi trừ phần đất chuyển nhượng cho ông LE diện tích là 906,4 m<sup>2</sup> nên diện tích còn lại là 7.440,3m<sup>2</sup>.

- + Phần đất có mộ có diện tích là 1.453,5 m<sup>2</sup>:
- + Phía Đông giáp với đất của ông Nguyễn Văn Trường;
- + Phía Tây giáp với phần đất ông Nguyễn Văn Tám;
- + Phía Nam giáp với kênh công cộng;
- + Phía Bắc giáp với huyện Lộ 74.

(có sơ đồ kèm theo)

- Phần đất có vườn cây ăn trái Ng đơn yêu cầu chia có diện tích là 5.986,8m<sup>2</sup>.

Phía Đông giáp với đất của bà Nguyễn Thị Tươi;

Phía Tây giáp với phần đất ông Nguyễn Văn Tám, bà Phạm Thị Huỳnh Như, ông Nguyễn Văn Lập, bà Nguyễn Thị Bích và ông Mai Văn Gạch;

Phía Nam giáp với đất ông Nguyễn Văn LE, ông Nguyễn Văn Tường, bà Nguyễn Thị Hoa, bà Trần Thị Lượm, ông Hồ Tấn Phát, ông Hồ Văn Sơn và bà Ngô Thị Mươi;

Phía Bắc giáp với ông Nguyễn Văn Tường

Phía Tây Nam giáp với huyện Lộ 74.

(có sơ đồ kèm theo)

Các bên đương sự có quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

5. Ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Cẩm L và bà Nguyễn Thị X mỗi người một phần thừa kế được hưởng với số tiền là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), kể từ khi án có hiệu lực pháp luật .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Ng về việc yêu cầu :

- Hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/01/2015 do Ủy ban nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Th ở thửa 92, tờ bản đồ số 04, diện tích là 8.433,2m<sup>2</sup> và thửa 317, tờ bản đồ số 05, diện tích là 1.581,7m<sup>2</sup>.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/3/2018 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn LE ở thửa 430, tờ bản đồ số 04, diện tích là 906,4m<sup>2</sup> (nằm trong thửa cũ là thửa 92) và buộc ông LE phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

7. Buộc ông Nguyễn Văn Th phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim Ng chi phí giám định với số tiền là 5.200.000 đồng và chi phí đo đạc, định giá với số tiền là 1.858.000 đồng, tổng cộng là 7.058.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

8. Buộc bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Cẩm L và bà Nguyễn Thị X mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim Ng về chi phí đo đạc và định giá với số tiền là 1.858.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

9. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2020/QĐ- BPKCTT ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện CB về việc “Cấm thay đổi hiện trạng tài sản tranh chấp” theo quy định tại Điều 122 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

10. Án phí :

- Bà Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 45.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 2.400.000 đồng theo các biên lai thu số 06675 ngày 14/4/2017, 09338 ngày 11/10/2018, 0003601 ngày 11/6/2020 và 0010000 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên còn phải nộp tiếp 42.600.000 đồng tiền án phí.

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 45.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 06862 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên còn phải nộp tiếp 43.500.000 đồng tiền án phí.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 45.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 06831 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên còn phải nộp tiếp 43.500.000 đồng tiền án phí.

- Bà Nguyễn Thị X phải chịu 45.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 06830 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên còn phải nộp tiếp 43.500.000 đồng tiền án phí.

- Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 45.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm .

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 25/11/2022, ông Nguyễn Văn Th có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng.

\* Ngày 29/11/2022, bà Nguyễn Thị Kim Ng có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, chia cho bà được nhận đất ở vị trí T8.

\* Ngày 29/11/2022, bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, chia cho bà được nhận đất ở vị trí T5.

\* Ngày 29/11/2022, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, chia cho bà được nhận đất ở vị trí T7.

\* Ngày 29/11/2022, bà Nguyễn Thị Cẩm L có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, chia cho bà được nhận đất ở vị trí T6.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:



- Ông Nguyễn Văn D – đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông Th có công sức tôn tạo đất tranh chấp từ đất lúa thành đất vườn như hiện nay, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Th.

- Bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Cẩm L và bà Nguyễn Thị N vẫn giữ Ng yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Cẩm L và bà Nguyễn Thị N có nhiều lập luận cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng như không đưa Ngân hàng tham tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xác định thẩm quyền giải quyết vụ án chưa đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Cẩm L và bà Nguyễn Thị N, sửa bản án sơ thẩm, mặc dù có căn cứ hủy bản án sơ thẩm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng như sau: không đưa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tây Tiền Giang tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bà Nguyễn Thị N được UBND xã ĐHH cấp Giấy chứng nhận khuyết tật, chưa có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án có thẩm quyền tuyên bố bà N là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận đơn yêu cầu do anh Nguyễn Duy K là đại diện hợp pháp của bà N đứng đơn yêu cầu và ký tên; tại các Biên bản định giá, xem xét thẩm định không có đủ chữ ký của người tham gia. Tòa sơ thẩm chưa xem xét đến công sức giữ gìn tôn tạo tài sản tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, chưa xem xét đến kháng cáo của các đương sự.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L1.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Tại Công văn số 46 ngày 23/9/2020 (Bút lục 422), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tây Tiền Giang xác định ông Nguyễn Văn LE có vay

tiền của Ngân hàng và đang thế chấp thửa 430 do ông LE đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng; Ngân hàng không có khởi kiện ông LE.

Xét thấy: Thửa 430 có diện tích 906,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp AT, xã ĐHH, huyện CB được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn LE được tách ra từ thửa đất tranh chấp thửa 92 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tây Tiền Giang tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là có thiếu sót, chưa đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## [2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ng đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng có yêu cầu khởi kiện: yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn LE.

Xét thấy, Ông Nguyễn Văn Th được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở Giấy giao quyền, tặng cho quyền sử dụng đất toàn bộ 06 thửa do cụ Nguyễn Văn Đàng đứng tên quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013 cho cụ Ch được toàn quyền định đoạt và Văn bản phân chia tài sản thừa kế được chứng thực vào ngày 30/4/2014. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số 109/C09- P5 ngày 29/5/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ ký “Đan” trên mẫu ký hiệu A1- Giấy giao quyền, tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Đàng (Đan) trên các mẫu so sánh ký không phải do cùng một người ký ra và chữ ký “X” cần giám định trên mẫu ký hiệu A2 – Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 30/4/2014 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị X trên các mẫu so sánh ký hiệu không phải do cùng một người ký ra (Bút lục 349). Ngoài hai tài liệu, chứng cứ nêu trên thì ông Nguyễn Văn Th và cụ Đoàn Thị Ch không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh khi còn sống cụ Nguyễn Văn Đàng đã định đoạt giao toàn bộ 06 thửa đất do cụ Đàng đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Ch được toàn quyền định đoạt. Ông Th và cụ Ch cũng thừa nhận hàng thừa kế của cụ Đàng gồm 07 người là cụ Ch, ông Th, bà Ng, bà N, bà X, bà Cẩm L, bà L1. Nhưng tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế được chứng thực vào ngày 30/4/2014 (Bút lục 243, 242) lại xác định hàng thừa kế của cụ Đàng chỉ gồm cụ Ch, bà L1, ông Th và bà X; cho nên Văn bản này không có giá trị pháp lý. Ngoài ra, cụ Ch chỉ có quyền định đoạt 1/7 trong khối di sản của cụ Đàng. Cho nên cần xem xét, đánh giá tính pháp lý của việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ 06 thửa đất của cụ Đàng đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th.

Ông Nguyễn Văn LE được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Th. Tại thời điểm thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông LE ngày 24/01/2018 (Bút lục 157 đến 159), ông Th biết rõ thửa số 92 đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị Kim Ng và các đồng thừa kế khác (bà Ng nộp đơn khởi kiện ngày 14/12/2016 và Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án số: 132/2017/TLST-DS ngày 14/4/2017).

Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 05/5/2017 bà Ng có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc ông Th và các thành viên trong hộ phải ngưng việc chuyển nhượng 01 phần thửa đất tranh chấp số 92 cho người nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn LE (Bút lục 40). Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành xác minh tại UBND xã ĐHH ngày 29/5/2017 (Bút lục 41) thể hiện: UBND xã không nắm rõ việc ông Th chuyển nhượng 01 phần thửa đất 92 cho ông LE do ông Th và ông LE không đến UBND xã tiến hành làm thủ tục; không tiến hành xác minh đối với ông LE xem ông LE có thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất với ông Th như trong đơn bà Ng nêu hay không, nhưng trên cơ sở xác minh tại UBND xã ĐHH, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo về việc trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà Ng. Đến ngày 06/11/2018, bà Ng tiếp tục gửi đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc ông Th và các thành viên trong hộ phải ngưng việc chuyển nhượng 01 phần thửa đất tranh chấp số 92 (Bút lục 171) với lý do ông LE đang chờ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 430 (được tách ra 01 phần thửa đất tranh chấp số 92). Tòa án cấp sơ thẩm lại ban hành Thông báo về việc trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà Ng với lý do ông LE đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 430 nên không thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được (Bút lục 172). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được ký kết giữa ông Nguyễn Văn Th, bà Võ Thị Kim Q với ông Nguyễn Văn LE được công chứng tại Văn phòng công chứng Mỹ Thuận ngày 24/01/2018 (Bút lục 157 đến 159). Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại thời điểm chuyển nhượng ngày 24/01/2018 thửa đất số 92 không bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch hay bị kê biên, ông LE và ông Th có đủ năng lực hành vi dân sự; ông Th và ông LE không tranh chấp đối với giao dịch chuyển nhượng này và Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang xác định thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông LE là đúng quy định của pháp luật và không có cơ sở để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông LE, là chưa đúng với thực tế, bởi lẽ bà Ng liên tục có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn là có thiếu sót; từ đó xác định thẩm quyền giải quyết chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật tố tụng hành chính.

[2.3] Bà Nguyễn Thị N được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo Giấy xác nhận khuyết tật do UBND xã ĐHH cấp ngày 09/10/2014 (Bút lục 64), xác định bà Nguyễn Thị N dạng khuyết tật nghe nói mức độ nặng. Tại Đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và Tờ tự khai ngày 17/5/2017 (Bút lục 72, 73), anh Nguyễn Duy K là người yêu cầu với tư cách là đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N và ký tên ở cuối đơn yêu cầu. Tòa án cấp sơ thẩm lại ban hành Thông báo về việc thụ lý yêu cầu độc lập của bà N (Bút lục 76), là chưa đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự; bởi lẽ anh Nguyễn Duy K và bà Nguyễn Thị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh

bà N bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại Điều 22, 23 Bộ luật dân sự thì người đại diện hợp pháp mới là người khởi kiện và ký tên, điểm chỉ ở cuối đơn.

[2.4] Tại Biên bản định giá ngày 10/01/2022 (Bút lục 549, 550) không thể hiện có mặt đương sự nào tham gia chứng kiến, cuối biên bản chỉ có 01 mình bà Ng ký tên. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/02/2022 (Bút lục 564 đến 566), trong các biên bản thể hiện có mặt ông Th, bà Ng tuy nhiên cuối biên bản không có chữ ký của 02 đương sự này. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/7/2022 (Bút lục 629, 630) thể hiện chỉ có mặt ông Nguyễn Văn LE và cuối biên bản chỉ có 01 mình ông Nguyễn Văn LE ký tên. Cùng ngày 20/7/2022 Tòa án cấp sơ thẩm có Biên bản định giá tài sản (Bút lục 627, 628) không thể hiện có mặt đương sự nào chứng kiến và cuối biên bản chỉ có 01 mình ông Nguyễn Văn LE ký tên. Như vậy là vi phạm quy định tại Điều 101, 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Biên bản hòa giải không được ngày 12/4/2022 (Bút lục 576, 577) không thể hiện có mặt đương sự nào tại phiên họp, cuối biên bản tại phần ký tên của các đương sự có chữ ký của ông Nguyễn Văn LE, bà Nguyễn Thị Kim Ng và anh Nguyễn Duy K. Tuy nhiên, tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng ngày 12/4/2022 (Bút lục 574, 575) cũng không thể hiện có mặt đương sự nào tại phiên họp, cuối biên bản tại phần ký tên của các đương sự chỉ có chữ ký của ông Nguyễn Văn LE. Như vậy là vi phạm Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đang chết vào ngày 15/6/2014 gồm có: cụ Đoàn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Cẩm L, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn Th, là có căn cứ.

Tài sản chung của cụ Đang và cụ Ch gồm: Thửa 110, diện tích 2.245m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng lúa; thửa 153, diện tích 837m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Thửa 155, diện tích 2.698m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước; Thửa 159, diện tích 1.025m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Thửa 161, diện tích 1.268m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Thửa 3095, diện tích 1.598,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; đều tọa lạc tại ấp AT, xã ĐHH, huyện CB do cụ Nguyễn Văn Đang đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện CB cấp vào năm 2007. Hiện nay, các thửa 110, thửa 153, thửa 155, thửa 159, thửa 161 do cụ Đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhập thành thửa mới là thửa 92, tờ bản đồ số 4, diện tích 8.433,2m<sup>2</sup>; thửa 3095, diện tích 1.598,8m<sup>2</sup>, đổi thành thửa 317, tờ bản đồ số 05, có diện tích là 1.581,7m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Văn Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Đoàn Thị Ch cho rằng: Ngày 18/12/2013 cụ Nguyễn Văn Đang đã làm Giấy giao quyền, tặng cho quyền sử dụng đất toàn bộ 06 thửa do cụ Đang đứng tên quyền sử dụng đất cho cụ Ch được toàn quyền định đoạt và ông Th được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở Văn bản phân chia tài sản thừa kế được chứng thực vào ngày 30/4/2014.

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo Kết luận giám định số 109/C09-P5 ngày 29/5/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công An (Bút lục 349) để xác định di sản của cụ Đàng có  $\frac{1}{2}$  trong các thửa đất nêu trên, là có cơ sở.

Theo Biên bản định giá ngày 22/02/2019 (Bút lục 181, 180): Thửa 92, diện tích 8.433,2m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm giáp huyện lộ 74, có giá thực tế chuyển nhượng tại địa Ph là 3.200.000 đồng/m<sup>2</sup>, tổng giá trị thửa 92 là 26.986.240.000 đồng; Thửa 317, diện tích 1.581,7m<sup>2</sup>, qua đo đạc thực tế là 1.524m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm giáp đường đàng nông thôn có giá thực tế chuyển nhượng tại địa phương là 1.200.000 đồng/m<sup>2</sup>, tổng giá trị là 1.828.800.000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tính giá bình quân của hai thửa đất trên là: 3.200.000 đồng/m<sup>2</sup> + 1.200.000 đồng/m<sup>2</sup> : 2 = 2.200.000 đồng/m<sup>2</sup> và xác định mỗi kỹ phần được hưởng là: 500m<sup>2</sup> x 2.200.000 đồng = 1.100.000.000 đồng, là chưa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, mà các thiếu sót này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy bản án sơ thẩm nên chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Ng, bà N, bà X, bà Cẩm L và ông Th.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Ng, bà N, bà X, bà Cẩm L không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Ng, bà N, bà X, bà Cẩm L và ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện CB giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại ông Nguyễn Văn Th 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010647 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

Hoàn lại bà Cầm L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010651 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

Hoàn lại bà N 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010649 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

Hoàn lại bà X số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010650 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

Hoàn lại bà Ng số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010648 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
  - TAND huyện CB;
  - CCTHADS huyện CB;
  - Đăng công thông tin điện tử;
  - Các đương sự;
  - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2023-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Trung**